

Số: /GPMT-BQL

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung và các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình, chỉnh sửa bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ Việt Lang” tại Công văn số 10/2024/CV-VL ngày 26 tháng 03 năm 2024 của Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang địa chỉ tại Lô TV 01, Khu công nghiệp Hòa Khánh (Cụm công nghiệp Thanh Vinh cũ), phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ Việt Lang” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ Việt Lang

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô TV 01, Khu công nghiệp Hòa Khánh Hòa Khánh (Cụm công nghiệp Thanh Vinh cũ), phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư (Mã số dự án 5682412716) do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 1990, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 6 ngày 06 tháng 07 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0400100658 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 1990, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

1.4. Mã số thuế: 0400100658

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ phục vụ nhu cầu trong nước và ngoài nước.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 15.000 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô công suất sản xuất của cơ sở:

+ Sản xuất cửa, khung cửa gỗ các loại: 10.000 bộ/năm

+ Giàn tủ bếp: 500 bộ/năm

+ Sản phẩm gỗ dùng trong xây dựng (hoa văn trang trí, khung đỡ mái vòm che cửa sổ, vách văn phòng): 7.000 bộ/năm

+ Giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ: 500 cái/năm

+ Cầu thang: 300 bộ/năm

+ Ván sàn: 3.000 m²/năm

- Công nghệ sản xuất:

+ Công đoạn chế biến gỗ: Gỗ → Sấy → Cửa, xẻ bào nhẵn → Khoan lỗ, đục mộng → Lắp ráp → Chà nhám hoàn thiện tay → Đóng gói → Xuất xưởng.

+ Công đoạn sơn: Các bộ phận của sản phẩm → Làm sạch bụi → Sơn lót → Sơn bóng → Để khô và đóng gói.

- Phạm vi cấp giấy phép môi trường của cơ sở theo phạm vi, quy mô của “Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ Việt Lang” đã được phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2013 của UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Nước thải bảo đảm được thu, xử lý toàn bộ và đưa về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Khánh Hòa Khánh và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, UBND quận Liên Chiểu, UBND phường Hòa Khánh Bắc và các cơ quan chức năng liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm

(Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày ... tháng ... năm 2034)

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối

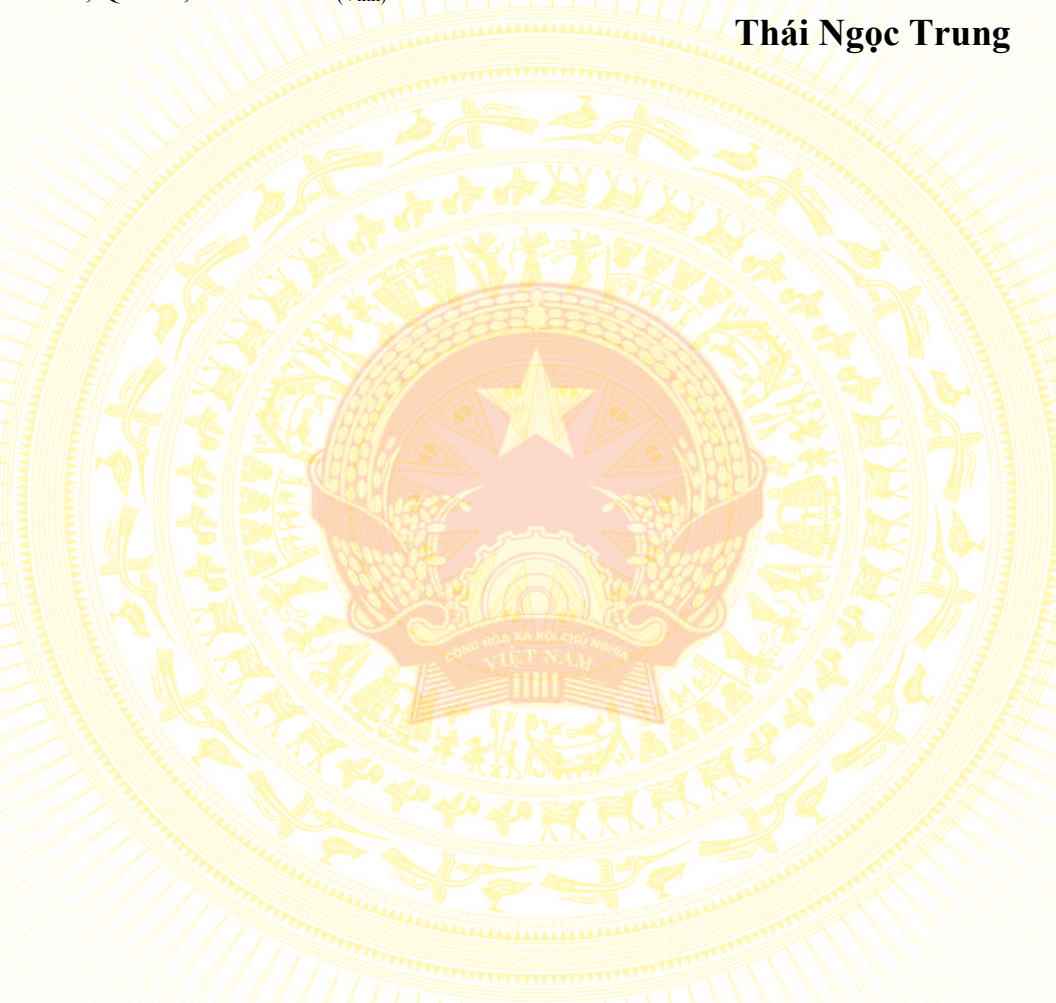
với cơ sở “Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ Việt Lang” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Sở TNMT thành phố;
- UBND quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Khánh Bắc;
- Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang;
- Cty Phát triển và Khai thác HT KCN ĐN;
- Công thông tin điện tử Ban Quản lý;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, QLMT, KHCN&UT_(Vinh).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Thái Ngọc Trung



Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hòa Khánh và dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → đường ống PVC DN100mm → Hồ ga tập trung nước thải → Hồ ga bên ngoài tường rào tại vị trí đầu nối nước thải KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

+ Nước thải từ vệ sinh tay chân, tắm rửa → Hồ ga tập trung → đường ống PVC DN100mm → Hồ ga tập trung → Hồ ga bên ngoài tường rào tại vị trí đầu nối nước thải KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

+ Nước thải từ căn tin, nhà bếp → Bể tách mỡ → đường ống PVC DN100mm → Hồ ga tập trung nước thải → Hồ ga bên ngoài tường rào tại vị trí đầu nối nước thải KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 1,5 tấn/h, thu gom bằng đường ống nhựa PVC (DN100mm) → Hồ ga tập trung nước thải → Hồ ga bên ngoài tường rào tại vị trí đầu nối nước thải KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

+ Nước thải sau xử lý bụi lò hơi thu gom bằng đường ống nhựa PVC (DN100mm) → Bể lắng → Hồ ga tập trung nước thải → Hồ ga bên ngoài tường rào tại vị trí đầu nối nước thải KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

+ Nước thải sau xử lý bụi và dung môi sơn thu gom bằng đường ống nhựa PVC (DN100mm) → Bể lắng cặn sơn có 4 ngăn → Hồ ga tập trung nước thải → Hồ ga bên ngoài tường rào tại vị trí đầu nối nước thải KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn:

- Số lượng: 05 bể
- Vị trí, thể tích: Nhà ăn (02 bể), Khu nhà lò sấy (01 bể), Nhà văn phòng (01 bể), Khu nhà vệ sinh công nhân (01 bể)
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tự hoại → Hồ ga tập trung → Hồ ga thu gom nước thải đường số 10B, Khu công nghiệp Hòa Khánh.
- Công suất thiết kế: 10,41 m³/bể
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Số lượng: 02 bể
- Vị trí: 02 bể tại khu vực nhà ăn
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn lọc → Ngăn tách mỡ → Ngăn lắng → Hồ ga tập trung → Hồ ga thu gom nước thải đường số 10B, Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Công suất thiết kế: 1m³/bể

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không

1.2.3. Bể lắng 3 ngăn lắng cặn nước xử lý lò hơi

- Số lượng: 01 bể
- Vị trí: 01 bể tại khu vực lò hơi
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi → Bể lắng cặn → Hồ ga tập trung → Hồ ga thu gom nước thải đường số 10B, Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Công suất thiết kế: 3m³

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không

1.2.4. Bể lắng cặn (bể tách cặn) nước xử lý bụi và dung môi sơn

- Số lượng: 01 bể
- Vị trí: 01 bể bố trí cạnh phòng sơn PU lót
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hệ thống xử lý bụi và dung môi sơn → Bể lắng cặn → Hồ ga tập trung → Hồ ga thu gom nước thải đường số 10B, Khu công nghiệp Hòa Khánh.

- Công suất thiết kế: 12,94m³

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Thường xuyên theo dõi hoạt động của các bể thu gom xử lý nước thải và mạng lưới thu gom thoát nước thải, định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Bố trí nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra lưu lượng nước thải đầu vào để phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ hoặc lưu lượng nước thải tăng đột biến.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Định kỳ vệ sinh các bồn bể, thu gom bùn để tránh tắc nghẽn, đảm bảo khả năng lưu chứa và xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Bể lắng cặn nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi
- Bể lắng cặn nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý bụi và dung môi sơn

a) Vị trí lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Tại đầu vào và đầu ra của các bể xử lý

- Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: Tại đầu vào và đầu ra của các bể xử lý

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang phải giám sát các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau khi được xử lý, đảm bảo đạt yêu cầu các thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả thải vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Hòa Khánh theo Hợp đồng xử lý nước thải số 77/2020/HĐ/XLNT ngày 01/11/20218 với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội – Chi nhánh Miền Trung.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc nước thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, điều kiện tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh; công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.7. Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Khánh để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường

3.8. Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.9. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục II**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

STT	Nguồn phát sinh khí thải
Nguồn số 01	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 1,5 tấn/h
Nguồn số 02	Bụi tại ống thoát khí 1 của hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ ván – xưởng 18 (7 module)
Nguồn số 03	Bụi tại ống thoát khí 2 của hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ ván – xưởng 18 (7 module)
Nguồn số 04	Bụi tại ống thoát khí 1 của hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ tự nhiên (14 module)
Nguồn số 05	Bụi tại ống thoát khí 2 của hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ tự nhiên (14 module)
Nguồn số 06	Khí thải tại ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (1)
Nguồn số 07	Khí thải tại ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (1)
Nguồn số 08	Khí thải tại ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (2)
Nguồn số 09	Khí thải tại ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (2)
Nguồn số 10	Khí thải tại ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (1)
Nguồn số 11	Khí thải tại ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (1)
Nguồn số 12	Khí thải tại ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (2)
Nguồn số 13	Khí thải tại ống khói 4 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (2)
Nguồn số 14	Khí thải tại ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (1)
Nguồn số 15	Khí thải tại ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (1)
Nguồn số 16	Khí thải tại ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (2)

STT	Nguồn phát sinh khí thải
Nguồn số 17	Khí thải tại ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (2)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí thải lớn nhất và phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải	Ống khói tương ứng	Tọa độ vị trí xả khí thải		Lưu lượng xả lớn nhất (m ³ /giờ)	Phương thức xả khí thải
		X	Y		
Dòng khí thải số 01	Ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 1,5 tấn/h	1778434.9	539398.2	3.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí 1 của hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ 18 (7 module)	1778377.1	539410.4	30.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất (luân phiên với dòng khí thải số 03)
Dòng khí thải số 03	Ống thoát khí 2 của hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ 18 (7 module)	1778368.8	539378.2	30.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất (luân phiên với dòng khí thải số 02)
Dòng khí thải số 04	Ống thoát khí 1 của hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ tự nhiên (14 module)	1778326.1	539455.8	70.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất (luân phiên với dòng khí thải số 05)
Dòng khí thải số 05	Ống thoát khí 2 của hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ tự nhiên (14 module)	1778324.4	539418.2	70.000	Liên tục khi hoạt động sản xuất (luân phiên với dòng khí thải số 04)
Dòng	Ống khói 1 của hệ	1778353.4	539408.3	14.400	Liên tục

khí thải số 06	thông xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (1)				khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 07	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (1)	1778359.4	539409.9	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 08	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (2)	1778367.7	539411.5	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 09	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (2)	1778368.4	539410.2	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 10	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (1)	1778376.3	539413.4	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 11	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (1)	1778378.1	539412.0	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 12	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (2)	1778374.3	539407.2	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 13	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (2)	1778375.2	539405.5	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 14	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (1)	1778375.5	539407.0	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 15	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (1)	1778378.5	539403.4	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất
Dòng khí thải số 16	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (2)	1778378.2	539402.1	14.400	Liên tục khí hoạt động sản xuất

Dòng khí thải số 17	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (2)	1778377.9	539400.7	14.400	Liên tục khi hoạt động sản xuất
---------------------	---	-----------	----------	--------	---------------------------------

(Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107°45' múi chiều 3⁰)

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của cơ sở “Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ Việt Lang”, địa điểm: Lô TV 01, Khu công nghiệp Hòa Khánh Hòa Khánh (Cụm công nghiệp Thanh Vinh cũ), phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT⁽¹⁾ (áp dụng cột B, $K_p=1$, $K_v=1$) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT⁽²⁾, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200 ⁽¹⁾		
3	CO	mg/Nm ³	1000 ⁽¹⁾		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500 ⁽¹⁾		
5	NO _x	mg/Nm ³	850 ⁽¹⁾		
II	Dòng khí thải số 02, 03, 04, 05				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200 ⁽¹⁾		
III	Dòng khí thải số 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200 ⁽¹⁾		
3	n-Butyl Acetate	mg/Nm ³	950 ⁽²⁾		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 01 → Hệ thống xử lý khí thải → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói tương ứng với dòng khí thải 01.

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 02, 03, 04, 05 → Hệ thống xử lý khí thải → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói tương ứng với dòng khí thải 02, 03, 04, 05.

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 → Hệ thống xử lý khí thải → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói tương ứng với dòng khí thải 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải tại lò hơi → Xyclon lọc bụi khô → Quạt hút → Thùng rửa bụi (Tháp rửa khí) → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ ván

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống lọc bụi túi vải (Filtre rung giữ khí nén) → Khí sạch ra ngoài.

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.2.3. Hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ tự nhiên

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống lọc bụi túi vải (Filtre rung giữ khí nén) → Khí sạch ra ngoài.

- Công suất thiết kế: 70.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.2.4. Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ buồng phun sơn

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Buồng sơn → Màn nước → Quạt hút → Than hoạt tính → Khí sạch thoát ra.

- Công suất thiết kế: 14.400 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Ban hành và tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu tại Mục 2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.
- Có kế hoạch kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:
 - + Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý.
 - + Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.
 - + Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.
 - + Trong trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giám tải hoặc dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 1,5 tấn/giờ
- Hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ ván (7 module)
- Hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ tự nhiên (14 module)
- Hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi sơn phòng sơn PU1 (1)
- Hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi sơn phòng sơn PU1 (2)
- Hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi sơn phòng sơn PU2 (1)
- Hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi sơn phòng sơn PU2 (2)
- Hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi sơn phòng sơn lót (1)

- Hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi sơn phòng sơn lót (2)

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

STT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X	Y
1	Ống khói lò hơi 1,5 tấn/giờ	1778434.9	539398.2
2	Ống thoát khí 1 hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ ván (7 module)	1778377.1	539410.4
3	Ống thoát khí 2 của hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ ván (7 module)	1778368.8	539378.2
4	Ống thoát khí 1 Hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ tự nhiên (14 module)	1778326.1	539455.8
5	Ống thoát khí 2 Hệ thống xử lý bụi trung tâm xưởng gỗ tự nhiên (14 module)	1778324.4	539418.2
6	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (1)	1778353.4	539408.3
7	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (1)	1778359.4	539409.9
8	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (2)	1778367.7	539411.5
9	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU1 (2)	1778368.4	539410.2
10	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (1)	1778376.3	539413.4
11	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (1)	1778378.1	539412.0
12	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (2)	1778374.3	539407.2
13	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn – phòng sơn PU2 (2)	1778375.2	539405.5
14	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (1)	1778375.5	539407.0
15	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (1)	1778378.5	539403.4
16	Ống khói 1 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (2)	1778378.2	539402.1
17	Ống khói 2 của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn phòng sơn lót (2)	1778377.9	539400.7

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tương ứng tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc khí thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu sử dụng bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.7. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống để phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ.

3.8. Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Hoạt động của khu vực sáy gỗ
- Nguồn số 2: Hoạt động của khu vực gia công gỗ: tiếng ồn tại các máy cưa, máy bào, máy phay, máy cắt, máy đục, phay mộng,...(nhà xưởng gỗ tự nhiên)
- Nguồn số 3: Hoạt động của khu vực gia công gỗ: tiếng ồn tại các máy cưa, máy bào, máy phay, máy cắt, máy đục, phay mộng,...(nhà xưởng gỗ ván)
- Nguồn số 4: Hoạt động của máy nén khí

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ v	
		X	Y
Nguồn số 1	Hoạt động của khu vực sáy gỗ	1778436.3	539418.8
Nguồn số 2	Hoạt động của khu vực gia công gỗ xưởng gỗ tự nhiên	1778355.3	539447.5
		1778358.4	539463.9
		1778422.8	539442.9
		1778426.9	539451.2
Nguồn số 3	Hoạt động của khu vực gia công gỗ xưởng gỗ ván	1778324.3	539386.6
		1778332.4	539415.8
		1778372.6	539403.9
		1778364.6	539375.1
Nguồn số 4	Hoạt động của máy nén khí	1778325.9	539442.8

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất. Chủ cơ sở đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành;
- Các loại máy móc thiết bị gây ồn, rung lớn được lắp đặt đệm chống rung, nền móng máy bằng bê tông chịu lực cao;
- Thường xuyên bảo dưỡng các loại máy móc thiết bị, vận hành đúng công suất, bôi trơn dầu mỡ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung;
- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân;
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã số chất thải
1	Bao bì cứng thải (thùng sắt đựng PU, bao bì kim loại thải)	Rắn	498	18 01 02
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	32	16 01 06
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, Giẻ lau, bao tay bị nhiễm các thành phần nguy hại (dính sơn, dầu nhớt, hóa chất,...)	Rắn	170	18 02 01
4	Hộp mực in thải có TPNH	Rắn	16	08 02 04
5	Sơn và vecni thải có chứa dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại (cặn bột sơn)	Rắn/ Lỏng	445	08 01 01
6	Linh kiện điện tử thải	Rắn	12	16 01 13
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	24	12 01 04
8	Can nhựa dính sơn	Rắn	220	18 01 03
9	Thủy tinh thải	Rắn	630	11 02 01
10	Dầu thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị (dầu nhiên liệu thải)	Lỏng	120	17 06 01
Tổng số lượng			2.167	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Chủng loại CTRSX thông thường	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)	Mã chất thải
1	Giấy và bao bì carton	400	18 01 05
2	Gỗ thừa phế liệu, mùn cưa, dăm bào	30.000	-
3	Bu lông, vỏ hộp kim loại	250	-
4	Bao nilong, băng keo...	50	-
5	Tro xỉ đốt lò hơi, Bùn cặn từ các bể đập bụi khí thải lò hơi	1.500	04 02 06
6	Bụi từ hệ thống hút bụi, hệ thống xử lý bụi trung tâm	500	-
Tổng khối lượng		32.700	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	48.750
Tổng khối lượng		48.750

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí thiết bị lưu chứa cho từng loại khác nhau, dán nhãn, phân loại mã chất thải nguy hại và đáp ứng yêu cầu tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa: 14,4 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Mái che bằng tôn, kèo thép; xà gồ và đòn tay sắt lợp mái tôn; Khung sườn sắt bao che, ốp xung quanh bằng tôn; Nền bê tông cao hơn so với đường nội bộ xung quanh của nhà máy đảm bảo nước mưa không tràn vào, có cửa ra vào và có biển hiệu phía trước;
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa chứa rác dung tích 120 lít, 240 lít, bao tải loại 50kg

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15m²
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái che bằng tôn, kèo thép; Khung sườn sắt; Nền bê tông cốt thép đảm bảo không rạn nứt, không thấm thấu

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa rác loại 20 lít, 120 lít, 240 lít (vật liệu nhựa, có nắp đậy) tại khu văn phòng làm việc, bên trong và bên ngoài nhà xưởng.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái che bằng tôn, kèo thép; Khung sườn sắt; Nền bê tông cốt thép đảm bảo không rạn nứt, không thấm thấu.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hoá chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Phụ lục V
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Lâm sản Việt Lang hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Bắc, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và Khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

7. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, cháy nổ, an toàn lao động và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động của dự án gây ra.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm

theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và gửi đến các cơ quan sau đây: Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Liên Chiểu, Công ty Khai thác và Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đà Nẵng trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo. Hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường và phương thức gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

